

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2806/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 7 - 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Thái Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 533/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4054/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 4527/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngàn Ngọc C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 264/2F đường B, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 255/17 V, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Ngàn Ngọc C trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Hoàng K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60. Trong thời gian chung sống, bà và ông K thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, lối sống. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cứ âm ỉ kéo dài khiến hôn nhân ngột ngạt nên năm

2016 bà và ông K đã quyết định sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống của mình. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông K không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn – Ông Nguyễn Hoàng K mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do đó không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn Bà Ngân Ngọc C yêu cầu ly hôn với bị đơn Ông Nguyễn Hoàng K, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông K cư trú tại thành phố Thủ Đức, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên ông K vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà C, ông K.

[3] *Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và giải quyết khiếu nại nếu có:*

Ngày 17/6/2022, Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Các bên đã biết rõ tất cả và không khiếu nại các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không đề nghị Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ, triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Đương sự khởi kiện có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của mình theo quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia quá trình giải quyết vụ án và cung cấp các chứng cứ, tài liệu liên quan nhưng vắng

mặt, phải chịu trách nhiệm vì sự vắng mặt của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định Bà Ngân Ngọc C và Ông Nguyễn Hoàng K chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60. Do đó, hôn nhân giữa Bà C và ông K là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống Bà C và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà C và ông K đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các bên không có biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K tham gia tố tụng để Tòa án tiến hành hòa giải, động viên Bà C và ông K hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên ông K vẫn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện ông K không có ý thức tôn trọng pháp luật cũng như không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Bà C là có cơ sở để chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà C xác định trong quá trình chung sống giữa bà và ông K không có con chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Bà C xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Bà C xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà C có yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Ngân Ngọc C:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngân Ngọc C được ly hôn với Ông Nguyễn Hoàng K;

Quan hệ hôn nhân giữa Bà C và ông K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/4/2004 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà C xác định giữa bà và ông K không có con chung do đó Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà C xác định không có do đó Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Bà C xác định không có nợ chung do đó Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, Bà Ngân Ngọc C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025867 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Tp. Thủ Đức;
- Chi cục THA DS Tp. Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- UBND P.5, Quận 11, Tp. HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án;
- Đăng trên Cổng thông tin điện tử./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thu

